

Bản án số: 122/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH H HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Bình

2. Ông Lò Văn Trục

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Vân - Thư ký Toà án nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B tham gia phiên tòa:

Bà: Trương Thị Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện B, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1993

Trú tại: Thôn Đ, xã Th, huyện Th, Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Quách Văn H, sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn S, xã L, Huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Th trình bày: Chị và anh H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức cưới theo tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 23/9/2011. Quá trình chung sống do vợ chồng không hòa hợp được với nhau, mâu thuẫn nảy sinh, thường xuyên tranh cãi, không tìm thấy hạnh phúc nên từ năm 2015 chị đã mang theo con về nhà ngoại sinh sống, quá trình ly thân hai bên không

liên hệ, không hòa giải đoàn tụ, anh H cũng chỉ xuống thăm con được 2, 3 lần. Nay chị xét thấy thực tế vợ chồng chỉ vướng mắc với nhau về mặt giấy tờ, đã ly thân gần 9 năm nay. Chị không còn tình cảm với anh H nên có nguyện vọng được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Quách Gia V, sinh ngày 15/02/2012. Từ nhỏ đến nay cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng, vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng ly thân đã lâu, không có tài sản và công nợ chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã trực tiếp đến gia đình anh H xác minh và giao nhận văn bản nhưng anh H không đến tòa án làm việc, chị Th đề nghị không tiến hành hoà giải. Vì vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh H không đến làm việc. Anh H cũng đã được triệu tập họp lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị Th đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa chủ tọa phiên tòa cho công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn và toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Căn cứ điều 227, 228, 238 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 273 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th, xử cho chị Th được ly hôn anh H.

Về con chung: Giao cháu Quách Gia V, sinh ngày 15/02/2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh H có hộ khẩu ở Huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc TAND Huyện B được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về hôn nhân: Chị Th và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Nội ngày 23/9/2011 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp được với nhau, thường xuyên tranh cãi, không tìm thấy hạnh phúc nên vợ chồng ly thân đã 09 năm, Quá trình ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày một trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Th được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Quách Gia V, sinh ngày 15/02/2012. Vợ chồng ly hôn chị Th có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi cháu V và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung, cháu V cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ vì vậy ly hôn giao cháu Gia V cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và các quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Th không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Quách Văn H.

Về con chung: Giao cháu Quách Gia V, sinh ngày 15/02/2012 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện B theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 số 0005874 ngày 23/5/2024. Chị Th đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành án được thực hiện hiện theo quy định tại điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Huyện B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Vũ Văn Nga

